

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 25 /2026/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ  
và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước  
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 105/BC-KTNS ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Đà Nẵng theo khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

b) Các nội dung và mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan. Trong trường hợp các mức chi đã có văn bản chuyên ngành quy định thì ưu tiên áp dụng các mức chi quy định tại văn bản đó.

### **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

## **Điều 2. Quy định về nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Một số nội dung chi cho công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm:

1. Chi cho công tác quản lý, tìm kiếm nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đo lường kết quả, hiệu quả, tác động hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập, tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến, khảo sát trong nước.

Chi tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện và khi kết thúc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông.

2. Chi hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức khảo sát cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì trước khi xem xét phê duyệt nhiệm vụ; tổ chức đoàn kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thuê chuyên gia tư vấn độc lập, dịch vụ thuê ngoài phục vụ đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; phân tích, đánh giá, kiểm định chất lượng dây chuyền công nghệ, sản phẩm, máy móc, thiết bị.

3. Chi tổ chức hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các loại hội đồng như sau: Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; hội đồng đánh giá khả năng ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hội đồng đề xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng; hội đồng tư vấn chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; hội đồng điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hội đồng xác định danh mục các chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính; hội đồng xây dựng khung chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính; hội đồng xét duyệt đối tượng cung cấp và sản phẩm mới, dịch vụ mới; hội đồng xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; hội đồng thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển; hội đồng đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (tổ chức; chương trình; chính sách, chiến lược); hội đồng tư vấn đề xem xét việc thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hội đồng tư vấn công nhận/hội đồng tư vấn chấm dứt, hủy bỏ hoặc từ chối chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực giấy công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo; hội đồng đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ.

Chi cho tổ thẩm định kinh phí; tổ chuyên gia tư vấn; thuê tổ chức tư vấn độc lập có chức năng để đánh giá, xét duyệt, thẩm định kinh phí, kiểm tra giám sát; thù lao của thành viên ban chủ nhiệm chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Chi tổ chức xây dựng, tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của chính sách, chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, ngành, địa phương, chi cho tổ chức đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại các Điều 47, 48 và 49 Nghị định số 262/2025/NĐ-

CP, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập, tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến, khảo sát trong nước.

**Điều 3. Quy định về mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP như sau:

a) Chi tiền thù lao

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/1 người/1 phiếu nhận xét*

| TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính       | Mức chi |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|
| 1  | Chi Hội đồng: Xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển |                   |         |
| a  | Chi họp Hội đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hội đồng          |         |
|    | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   | 1.800   |
|    | Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   | 1.500   |
|    | Thư ký khoa học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                   | 300     |
|    | Thư ký hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   | 300     |
|    | Đại biểu được mời tham dự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                   | 200     |
| b  | Chi nhận xét đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 01 phiếu nhận xét |         |
|    | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                   | 700     |
|    | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phân biện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   | 1.000   |
| c  | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nhiệm vụ          |         |
|    | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   | 700     |
|    | Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   | 500     |

|   |                                                                                                                                                                             |                                                                 |       |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------|
| 2 | <b>Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo</b> |                                                                 |       |
| a | Chi họp Hội đồng                                                                                                                                                            | Hội đồng                                                        |       |
|   | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                                                           |                                                                 | 1.500 |
|   | Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                        |                                                                 | 1.000 |
|   | Thư ký khoa học                                                                                                                                                             |                                                                 | 300   |
|   | Thư ký hành chính                                                                                                                                                           |                                                                 | 300   |
|   | Đại biểu được mời tham dự                                                                                                                                                   |                                                                 | 200   |
| b | Chi nhận xét đánh giá                                                                                                                                                       | 01 phiếu nhận xét                                               |       |
|   | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                         |                                                                 | 500   |
|   | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện                                                                                                               |                                                                 | 700   |
| 3 | <b>Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</b>                                                              |                                                                 |       |
| a | Chi họp Hội đồng                                                                                                                                                            | 01 nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả |       |
|   | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                                                           |                                                                 | 1.800 |
|   | Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                        |                                                                 | 1.500 |
|   | Thư ký khoa học                                                                                                                                                             |                                                                 | 300   |
|   | Thư ký hành chính                                                                                                                                                           |                                                                 | 300   |
|   | Đại biểu được mời tham dự                                                                                                                                                   |                                                                 | 200   |
| b | Chi nhận xét đánh giá                                                                                                                                                       | 01 phiếu nhận xét                                               |       |
|   | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                                                         |                                                                 | 700   |
|   | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện                                                                                                               |                                                                 | 1.000 |

|          |                                                                                                                                            |                   |                                                                                                                                                                                                         |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>4</b> | <b>Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược</b>                           |                   |                                                                                                                                                                                                         |
| a        | Chi hợp Hội đồng                                                                                                                           | Hội đồng          | Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu |
|          | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                          | Công              |                                                                                                                                                                                                         |
|          | Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                       | Công              |                                                                                                                                                                                                         |
|          | Thư ký khoa học                                                                                                                            | Công              |                                                                                                                                                                                                         |
|          | Thư ký hành chính                                                                                                                          | Công              |                                                                                                                                                                                                         |
| <b>b</b> | <b>Chi nhận xét đánh giá</b>                                                                                                               | 01 phiếu nhận xét |                                                                                                                                                                                                         |
|          | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng                                                                                        |                   | 1.000                                                                                                                                                                                                   |
| <b>5</b> | <b>Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia</b> | Chuyên gia        | 1.500                                                                                                                                                                                                   |

b) Dự toán chi thù lao của các Hội đồng khác quy định như sau:

Đối với Hội đồng đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ: Áp dụng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

Đối với các Hội đồng khác quy định tại Nghị quyết này: Áp dụng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| TT | Nội dung                  | Đơn vị tính | Mức chi |
|----|---------------------------|-------------|---------|
| 1  | Tổ trưởng tổ thẩm định    | Nhiệm vụ    | 1.000   |
| 2  | Thành viên tổ thẩm định   | Nhiệm vụ    | 700     |
| 3  | Thư ký hành chính         | Nhiệm vụ    | 300     |
| 4  | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ    | 200     |

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

3. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

b) Dự toán chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này;

c) Dự toán chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng tối đa bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này;

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ,

chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

6. Đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân thành phố có thành lập các Ban chủ nhiệm chương trình: Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều này. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Các khoản chi cho đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm:

- a) Chi quản lý, lập kế hoạch và đánh giá;
- b) Chi xây dựng bộ tiêu chí, biểu mẫu, công cụ thu thập dữ liệu;
- c) Chi xây dựng, cập nhật, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá;
- d) Chi tổng hợp, phân tích, thống kê kết quả đánh giá;
- đ) Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá cho cán bộ, chuyên gia;
- e) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- g) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- h) Chi công bố, tổng kết, công khai kết quả đánh giá;
- i) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- k) Chi thù lao cho Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược thực hiện theo quy định tại mục 4 điểm a khoản 1 Điều này.

8. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới

sáng tạo 05 năm của địa phương được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan;

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND; tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định về chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: Thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật về đấu thầu trong phạm vi dự toán kinh phí cho nhiệm vụ này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Chi công tác thông tin, tuyên truyền, công bố chiến lược, kế hoạch trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

e) Các khoản chi khác như chi mua báo cáo, tài liệu, dữ liệu chuyên sâu để phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 4. Thuê chuyên gia tư vấn độc lập trong nước và tổ chức tư vấn độc lập để thực hiện quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Trong quá trình quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thuê chuyên gia tư vấn độc lập đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN để thực hiện các công việc sau:

a) Tham gia Tổ chuyên gia tư vấn rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định

tại điểm c khoản 3 Điều 10, điểm c khoản 1 Điều 27 và khoản 6 Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Tư vấn điều chỉnh hợp đồng hoặc chấm dứt nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

c) Tham gia Tổ chuyên gia hoặc tư vấn độc lập theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP bao gồm:

Đánh giá trong kỳ đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16;

Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17;

Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18;

Thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 21;

Đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 22;

Thẩm định nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt theo quy định tại khoản 4 Điều 26;

Đánh giá kết quả thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27;

Đánh giá kết quả thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 8 Điều 28.

Tham gia Tổ chuyên gia đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

đ) Tư vấn độc lập theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP bao gồm:

Tư vấn xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12;

Tư vấn sửa đổi hợp đồng tài trợ nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17;

Tư vấn chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 17;

Tư vấn khảo sát thực tế và xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22;

e) Tham gia hội đồng tư vấn đánh giá hoặc tổ chức tư vấn độc lập để thực hiện đánh giá chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 52 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

2. Việc lập dự toán thuê chuyên gia tư vấn độc lập áp dụng theo mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV, trừ mức thù lao chi trả cho chuyên gia độc lập được quy định tại mục 5 điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

3. Trong quá trình tổ chức kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ được thuê tổ chức tư vấn độc lập để thực hiện các nội dung công việc quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Căn cứ lập dự toán thuê tổ chức tư vấn độc lập dựa trên số lượng chuyên gia tư vấn cần thiết và mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác để phục vụ hoạt động của tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Việc thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập và các dịch vụ cần thiết khác để phục vụ hoạt động của tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 5. Nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở**

Hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở được áp dụng nội dung chi tại Điều 2, Điều 4 và mức chi bằng 50% mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) ban hành quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

#### **Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 thì cơ quan có thẩm quyền được tiếp tục áp dụng nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ, tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 thì cơ quan có thẩm



quyền được tiếp tục áp dụng nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, định kỳ hàng năm, tổng hợp và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp cuối năm về tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chính sách liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Tổng hợp báo cáo chung các lĩnh vực khoa học và công nghệ) để Hội đồng nhân dân thành phố giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa XI, Kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./.*

#### **Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các phường, xã, đặc khu thuộc thành phố;
- Báo và PT, TH Đà Nẵng, Trung tâm THVN (VTV8), Cổng thông tin điện tử thành phố, Công báo thành phố.
- Lưu: VT, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Dũng**